

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2491** /BNN-KTHT
V/v báo cáo tình hình nông dân
bỏ ruộng, trả ruộng

Hà Nội, ngày **29** tháng **7** năm 2013

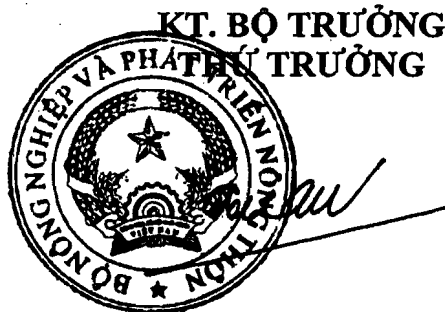
Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Qua phản ánh của các cơ quan thông tấn, báo chí, trong thời gian gần đây, nông dân nhiều nơi đã bỏ ruộng và trả ruộng, ngay cả ở những địa phương có diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người rất thấp. Vấn đề trên đã tác động không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp và tâm lý người dân ở khu vực nông thôn, gây lãng phí trong việc sử dụng quỹ đất nông nghiệp. Đây là vấn đề cần khẩn trương xem xét, nghiên cứu để đề xuất với Chính phủ các chính sách và giải pháp khắc phục trong dịp sơ kết Nghị quyết số 26/NQ-TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Để làm rõ thực trạng tình hình, nguyên nhân và có giải pháp sử dụng đầy đủ, hiệu quả quỹ đất sản xuất nông nghiệp, nâng cao thu nhập và đời sống nông dân, giữ vững ổn định an ninh, trật tự xã hội ở nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, thống kê tình hình nông dân bỏ ruộng, trả ruộng ở địa phương (theo đề cương gửi kèm); kiến nghị và đề xuất các giải pháp, chính sách khắc phục. Báo cáo gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn), Số 02, Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 10 tháng 8 năm 2013./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- Cục KTHT&PTNT;
- Lưu VT.



Hà Công Tuấn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tình hình nông dân bỏ ruộng, trả ruộng đất

*(Kèm theo công văn số **2491** /BNN- KTHT, ngày **29** tháng **7** năm 2013)*

I. TÌNH HÌNH NÔNG DÂN TRẢ RUỘNG, BỎ RUỘNG ĐẤT

1. Khái quát tình hình bỏ ruộng, trả ruộng hiện nay

- Tổng diện tích nông dân trả ruộng, bỏ ruộng:..... ha;

Trong đó: Đất được nhà nước giao ổn định :.....ha;

Đất công ích 5%:ha;

- Số hộ nông dân trả ruộng, bỏ ruộng:.....hộ;

- Số xã có hộ nông dân trả ruộng, bỏ ruộngxã;

2. Nguyên nhân dẫn đến trả ruộng, bỏ ruộng

- Thiếu lao động, chuyển nghề đi làm việc khác?

- Giá vật tư cao, chi phí sản xuất cao?

- Giá bán nông sản thấp? hoặc không bán được; thu nhập từ sản xuất nông nghiệp thấp ?

- Điều kiện sản xuất nông nghiệp quá khó khăn (thiếu nước, đất xấu...; hộ gia đình thiếu lao động, thiếu vốn sản xuất ...);

- Do Công nghiệp hoá, hiện đại hoá (ô nhiễm môi trường, tưới tiêu ...)

- Chính sách đất đai: Chính sách của nhà nước, việc thực hiện chính sách ở địa phương?

- Nguyên nhân khác?

3. Đánh giá chung diễn biến quan hệ sử dụng ruộng đất, quan hệ sản xuất, đời sống của hộ nông dân bỏ ruộng, trả ruộng; vấn đề xã hội địa bàn dân cư.

II. NHỮNG BIỆN PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Những biện pháp địa phương đã áp dụng nhằm quản lý, sử dụng đầy đủ, hiệu quả đất nông nghiệp, bảo đảm việc làm, thu nhập cho hộ nông dân, khắc phục tình trạng bỏ ruộng, trả ruộng.

2. Đề xuất, kiến nghị về chính sách khắc phục tình trạng nông dân trả ruộng, bỏ ruộng hoang hoá

- Chính sách đất đai;

- Chính sách tái cơ cấu, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp;

- Chính sách đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn;

- Chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho nông dân ?

- Các đề xuất khác.

(Chi tiết liên hệ theo ĐT: 04.38231569; 0912554806 và gửi báo cáo theo địa chỉ Email: Nghiaktht@gmail.com)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Tỉnh, thành phố

Biểu: Tình hình nông dân bỏ ruộng, trả ruộng năm 2013

Số xã có tình trạng bỏ ruộng, trả ruộng

Số huyện có tình trạng bỏ ruộng, trả ruộng:

| TT | Diễn giải | Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp (ha) | Bỏ ruộng | | | | Trả ruộng | | | |
|----------|-----------------------------------|--|------------|----------------|---------------------------------|-----------------------------|------------|----------------|---------------------------------|-----------------------------|
| | | | Số hộ (hộ) | Diện tích (ha) | Trong đó | | Số hộ (hộ) | Diện tích (ha) | Trong đó | |
| | | | | | Đất nhận khoán, thuê, mượn (ha) | Đất được nhà nước giao (ha) | | | Đất nhận khoán, thuê, mượn (ha) | Đất được nhà nước giao (ha) |
| 1 | Tổng số | | | | | | | | | |
| | Trong đó: | | | | | | | | | |
| | 1.1.Đất 1 vụ | | | | | | | | | |
| | 1.2.Đất 2 vụ lúa | | | | | | | | | |
| | 1.3.Đất 3 vụ | | | | | | | | | |
| | 1.4.Đất nuôi trồng thủy sản | | | | | | | | | |
| | 1.5.Đất trồng cây lâu năm | | | | | | | | | |
| | 1.6.Đất lâm nghiệp | | | | | | | | | |
| | 1.7.Đất sản xuất nông nghiệp khác | | | | | | | | | |
| 2 | Phân nguyên nhân | | | | | | | | | |
| | 2.1.Chuyển làm nghề khác | | | | | | | | | |
| | 2.2.Thiếu nguồn nước tưới, tiêu | | | | | | | | | |
| | 2.3.Đất bị ô nhiễm do công nghiệp | | | | | | | | | |
| | 2.4.Giá vật tư tăng cao | | | | | | | | | |
| | 2.5.Nguyên nhân khác..... | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | |

Handwritten mark